

Q
V



Giới thiệu về h Vườn quốc gia



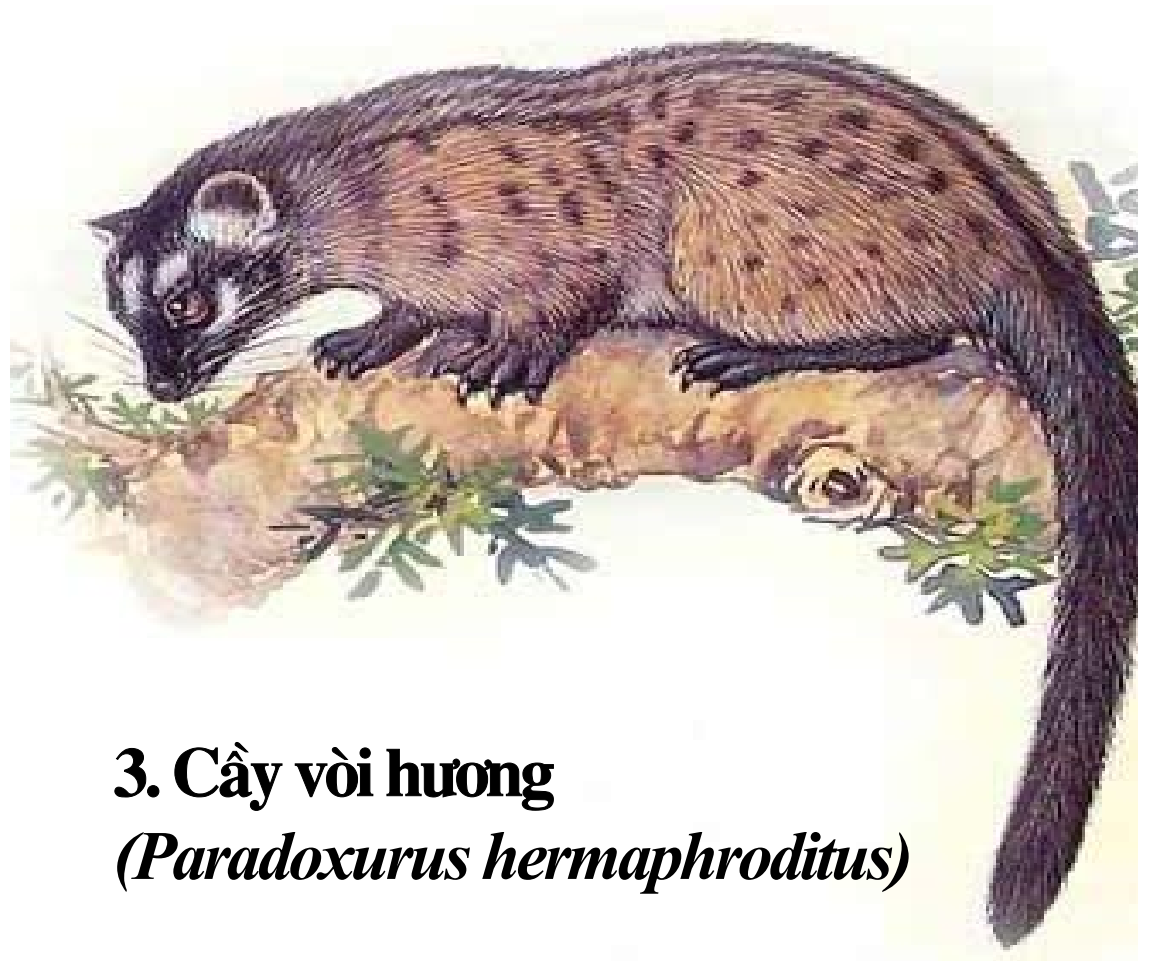
hệ động vật ở a Bái Tử Long





04

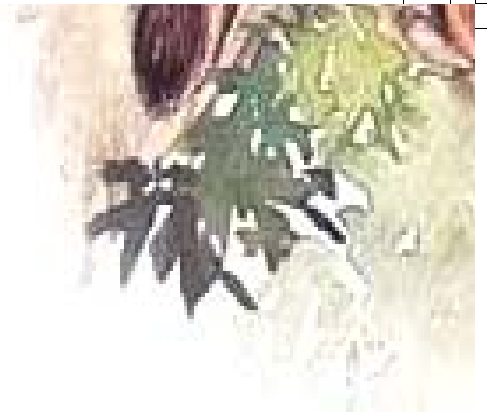
1. Chồn bạc má
(Melogale moschata)



3. Cây vòi hương
(Paradoxurus hermaphroditus)



4. Gấu ngựa
(*Ursus thibet*)



gaya
(*Lophophanes inornatus*)



2. Mèo rừng
(Prionailurus bengalensis)



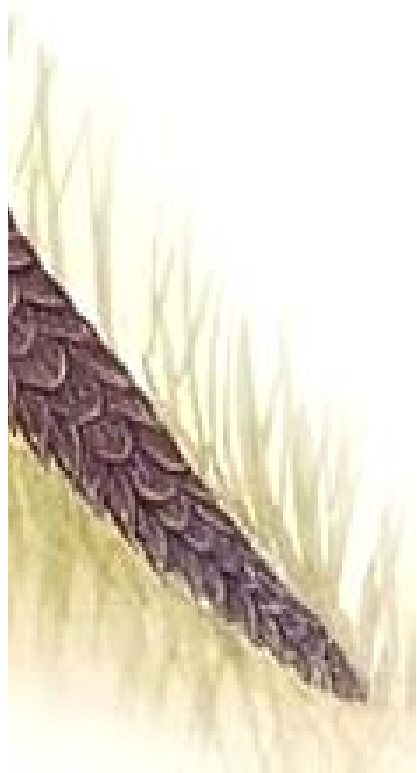
5. Cây hương
(Viverricula indica)



6. Tê tê vàng
(Manis pentadactyla)

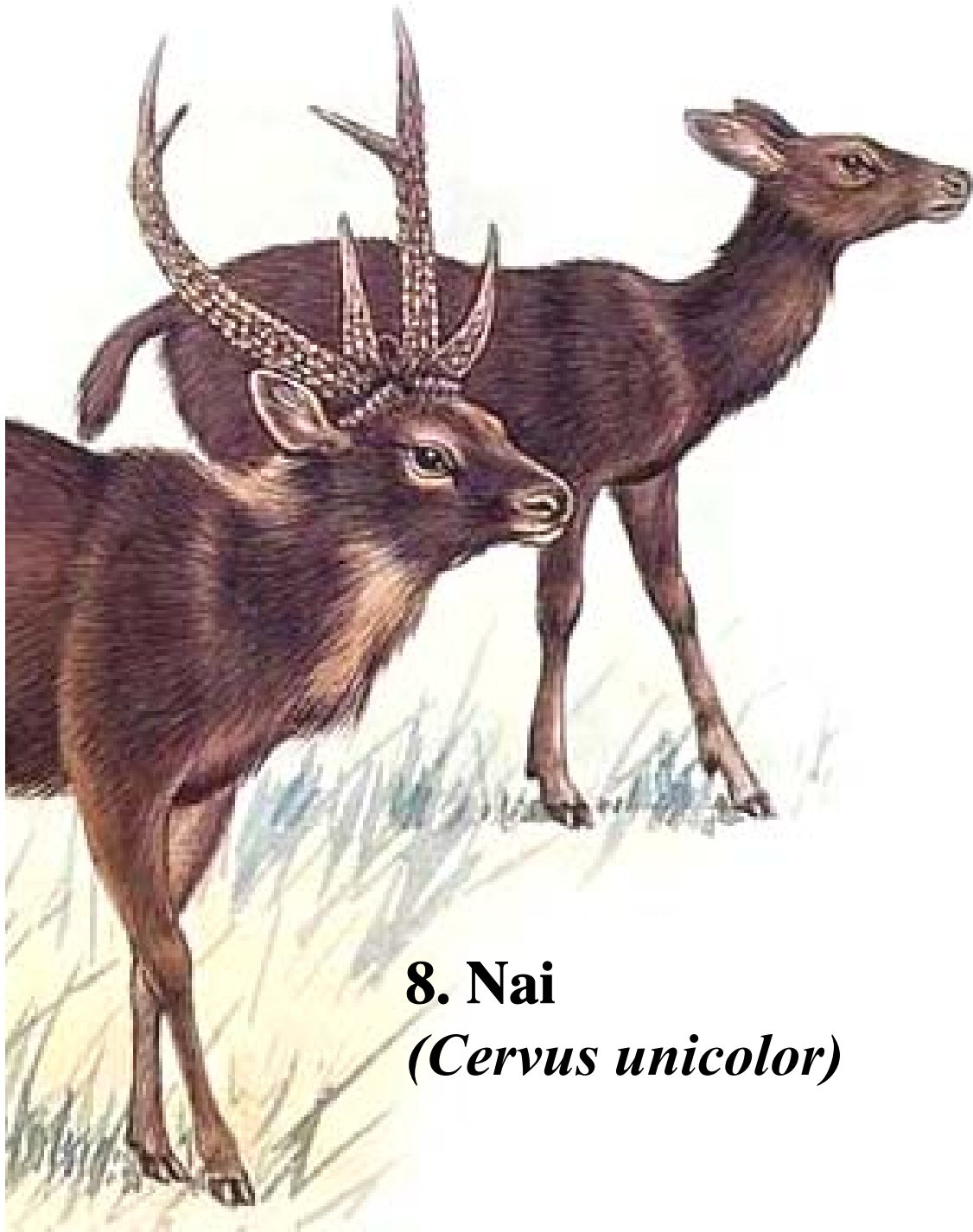


(*Ursus thibet*



ibetanus)





8. Nai
(Cervus unicolor)





9. Sơn dương (*Capricornis sumatraensis*)

1. Chồn bạc má (*Melogale moschata*)

Loài này có thể tìm thấy từ vùng Assam đến vùng trung tâm Trung quốc và Việt nam, mặc dù chúng thích ở các khu rừng vùng cận nhiệt đới và rừng vùng nhiệt đới nhưng cũng có thể tìm thấy chúng ở các đồng cỏ. Là loài nhỏ nhất trong họ chồn, chúng nặng từ 1 đến 3 kg, thân dài từ 30 đến 40 cm. Đặc điểm của loài chồn này là đuôi rậm, dài; tai lớn; thân mảnh khảnh. Loài này ăn tạp. Chúng ăn loài gặm nhấm nhỏ, côn trùng, động vật lưỡng cư, động vật không xương sống, trái cây theo mùa. Chúng sinh con, thường là quanh năm, chủ yếu vào cuối mùa xuân và lứa thứ 2 vào cuối thu, mỗi lứa trung bình 2 - 3 con.

2. Mèo rừng (*Prionailurus bengalensis*)

Loài này phân bố rải rác khắp Châu á, bao gồm cả một vài hòn đảo. Chúng cũng được tìm thấy ở vùng viễn đông như ấn độ và về phía Tây đến Philippin. Bên cạnh việc sống ở các môi trường sống đa dạng, chúng cond sống gần nguồn nước và thường được tìm thấy ở các vùng cao và vùng thấp, mà thường là các vùng cây thứ sinh. Khẩu phần ăn chủ yếu gồm các loài gặm nhấm. Tuy nhiên, chúng cũng ăn thịt thỏ rừng, loài ăn sâu bọ, lợn rừng, thằn lằn, rắn, chim, loài bò sát, côn trùng, giun, cá, cua và xác chết. Chúng được tìm thấy ở vùng Đông Nam châu á sinh nở quanh năm. Sau thời kì mang thai khoảng 65- 70 ngày, báo đen cái sẽ cho ra đời khoảng từ 1 đến 4 con báo con.

3. Cây vòi hương (*Paradoxurus hermaphroditus*)

Loài cây này được tìm thấy khắp vùng Nam và Đông nam á, cư trú chính ở các vùng có rừng bao phủ cũng như ở các vùng nông thôn và thành thị. Chúng hoạt động về đêm và leo

trên
cột
sào
4.
Ur:
gấu
nhì
hè,
ho:
ngi
kh
5.
Lo:
bac
cũ
nh:
mặ
nữ
6.
Lo:



Tài liệu tham khảo này được thực hiện bởi Dự án Nâng cao nhận thức Đa dạng sinh học Vịnh Bái Tử Long thuộc Tổ chức Frontier-Vietnam với sự tài trợ của Darwin Initiative, Vương quốc Anh



7. Khỉ vàng (*Macaca mul*

Thông tin th

trèo rất giỏi, chỉ xuống đất khi tìm kiếm thức ăn. Thức ăn của chúng gồm có chim chóc, chuột, rắn, côn trùng, trái cây, động vật thân mềm, hạt. Chúng sinh sản và ở trong các thân cây mục. Chúng sinh sản 2 lần mỗi năm, mỗi lứa từ 2 đến 4 con con.

4. Gấu ngựa (*Ursus thibetanus*)

Ursus thibetanus là tên khoa học của một loại gấu đen vùng châu á, theo nghĩa đen thì có nghĩa là gấu mặt trắng vùng Tây Tạng. Loài gấu này thích sống ở những khu rừng rậm rạp trên đồi, trên những ngọn núi và trong các khu rừng nhiệt đới ẩm ướt phía dưới các dãy núi cao. Trong suốt mùa hè, loài gấu đen châu á này có thể tìm thấy ở độ cao trên 300 mét so với mực nước biển. Phạm vi hoạt động của chúng trong khoảng từ 4 đến 8 dặm vuông và phụ thuộc chủ yếu vào sự dồi dào của nguồn thức ăn. Chúng thích ăn thịt, nhưng vẫn buộc phải ăn thực vật, quả chín, côn trùng, động vật không xương sống, chim, thú nhỏ do sự thay đổi lớn về môi trường sống mà con người gây nên.

5. Cây hương (*Viverricula indica*)

Loài này được tìm thấy khắp vùng Nam và Đông Nam á. Chúng cư trú chủ yếu ở các khu có rừng bao phủ cũng như ở các bãi cỏ, các khu cây cối rậm rạp. Chúng hoạt động về đêm nhưng người ta cũng đã thấy chúng săn mồi ban ngày ở những khu vực không có người. Thức ăn của chúng gồm ếch nhái, chim chóc, chuột, rắn, gà con, xác chết, côn trùng, ấu trùng, trái cây và rễ cây. Chúng sống trên mặt đất là chính nhưng leo trèo cũng khá tốt. Loài này sinh sản vào các thời điểm khác nhau trong năm, mỗi lứa từ 2 đến 5 con.

6. Tê tê vàng (*Manis pentadactyla*)

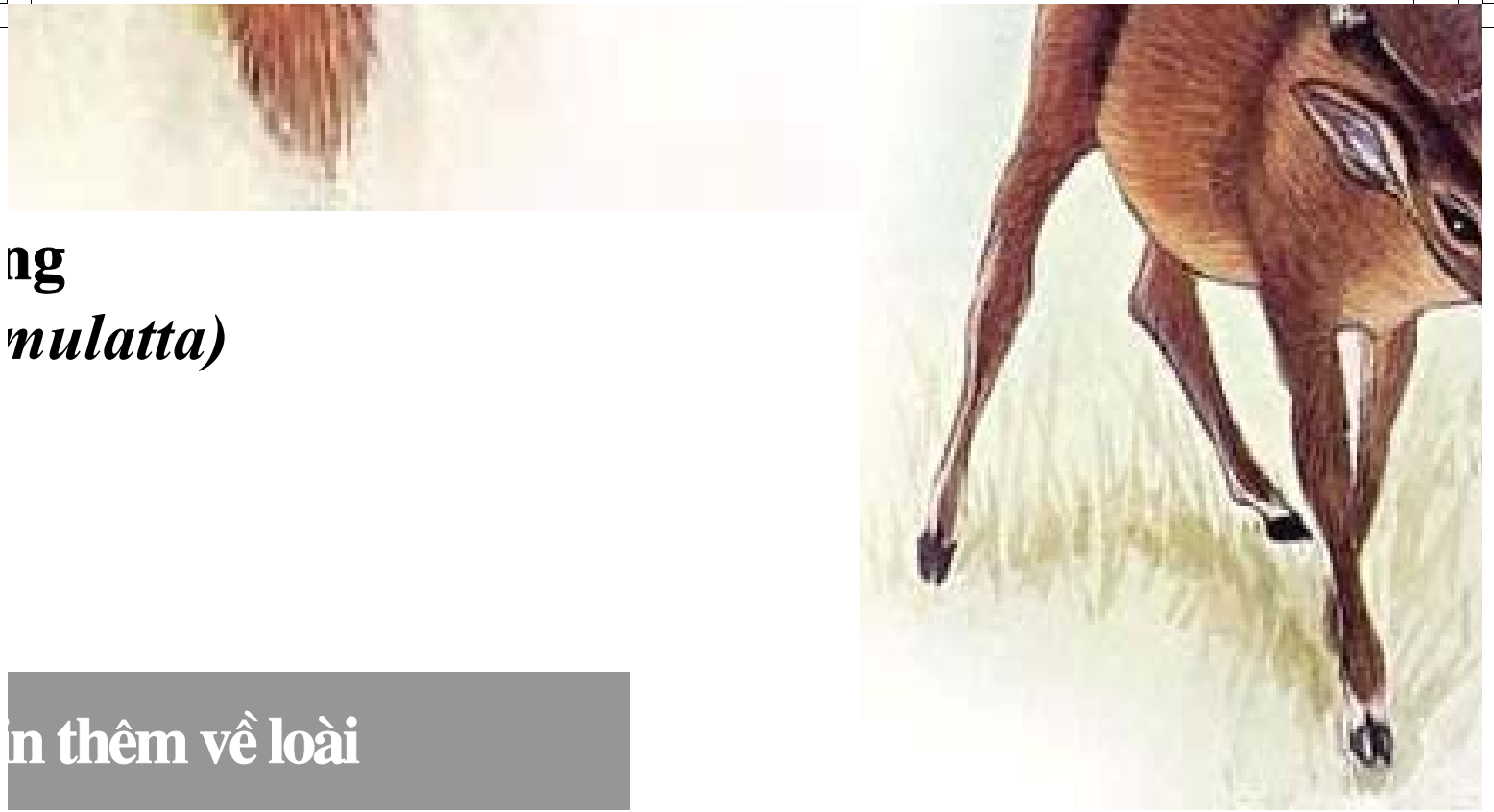
Loài này được tìm thấy trong các khu rừng ở phía Nam châu á và châu Phi. Đặc điểm của chúng là

có
trư
của
Nh
nh
tê
7.
Lo
nar
ngl
cor
kh
ướ
côn
ng
8.
Sư
cũ
bi
ph

LIÊN HỆ:

Hòm thư: PO Box 20, Bưu điện Vân Đồn
Huyện Vân Đồn, Tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại: 033 874855 Email: btlb@netnam.vn
www.baitulongnp.com





ng (*mulatta*)

n thêm về loài

1 có vảy lớn phủ toàn thân, đầu, các chi, đuôi rộng; mõm thon dài; mắt nhỏ xú; và vuốt phía trước rất dài. Khi bị đe dọa, tê tê sẽ cuộn tròn như một quả bóng, giương lớp vảy dày đặc của nó ra để chống cự như một cái áo giáp bảo vệ. Thức ăn chính của chúng là kiến và mối. Những cái vuốt lớn phía trước giúp tê tê có thể phá được những tổ mối kiên cố nhất hay những thân cây mục khi kiếm ăn. Sau 130 ngày mang thai, tê tê mẹ sẽ cho ra đời 1- 2 con tê tê con mỗi lứa.

7. Khỉ vàng (*Macaca mulatta*)

Loài này được tìm thấy phổ biến ở phía tây Afghanistan, qua ấn độ đến Bắc Thái lan và Việt nam. Chúng sống trong một phạm vi môi trường đa dạng và chúng tỏ một khả năng thích nghi rất tốt. Một số sống ở những vùng đất bằng phẳng, trong khi một số khác như những con sống ở nam ấn độ và Pakistan lại sống trên dãy Himalaya ở độ cao 3000m. Chúng có khả năng thích nghi với nhiệt độ nóng, khô của sa mạc; hoặc với nhiệt độ có khi xuống tới dưới độ đóng băng của mùa đông giá lạnh. Loài này ăn tạp và thường ăn rễ cây, cỏ, trái cây, côn trùng, chim chóc, và các động vật nhỏ. Giai đoạn mang thai của chúng trong vòng 165 ngày và hầu hết chúng đẻ 1 con trong mỗi lần sinh nở.

8. Nai (*Cervus unicolor*)

Sườn đồi, nhất là khu vực gần khu trồng trọt, là nơi kiếm ăn ưa thích của loài nai này. Chúng cũng sống trong rừng, bụi cây lớn và trong các khu rừng ở độ cao 2500m so với mực nước biển. Bộ lông của chúng thô và bờm xồm, nai đực trưởng thành có bờm ở cổ và đầu. Màu phổ biến của loài là màu nâu phớt vàng hoặc pha xám. Thị giác của chúng bình thường như

ng thính giá
lặng trong c
thường ăn c
trong tháng
mẹ thường 1

9. Sơn du

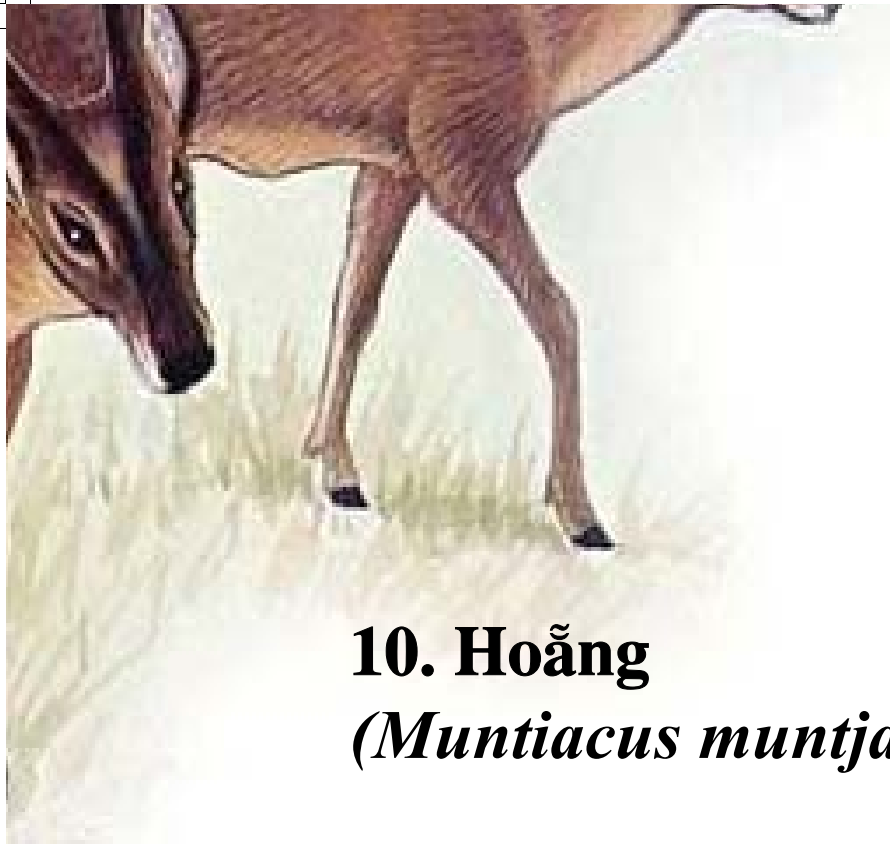
Loài này thi
khó có thể l
cao của vai
đến đuôi. C
mắt, mũi và
sát được lo

10. Hoăn

Nơi kiếm ăn
cao tới 2500
triển và thư
Tiếng hú g
gồm các lo
diễn ra chủ
sinh nở vào



Các dự án của Frontier-Vietnam được thực hiện bởi sự kết hợp của Tổ chức khám phá môi trường (SEE), London và Viện sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Hà nội và sự kết hợp giữa Tổ chức khám phá môi trường và Viện hải dương học Hà nội.



10. Hoẵng (*Muntiacus muntjak*)

ính giác và khứu giác thì rất chính xác. Chúng có khả năng kì lạ trong việc di chuyển yên trong các bụi rậm dày đặc bất chấp hình dáng của mình. Chúng có thể bơi khá tốt. Chúng ng ăn cỏ, lá cây và các loại trái cây dại. Chúng ăn chủ yếu vào buổi tối. Sự kết đôi diễn ra tháng 11- 12, nai con ra đời vào đầu mùa mưa, khoảng cuối tháng 5 hoặc đầu tháng 6. Nai hường mang thai khoảng 120 ngày.

Sơn dương (*Capricornis sumatraensis*)

này thường sống ở các dãy núi đá vôi dựng đứng có vách đá che phủ dày đặc và khu rừng có thể lui tới. Thân chúng ngắn, chân dài, tai to như tai lừa, thô, lông tương đối dài. Chiều uả vai khoảng chừng 1 m. Bờm của chúng phát triển mạnh nhất ở cổ và lan rộng dọc lưng đuôi. Cả con đực và con cái đều có sừng. Sừng của chúng tương đối ngắn và dày. Do cả mũi và tai của chúng đều rất thính, cộng với đặc điểm nơi cư trú của loài nên rất khó quan ược loài sơn dương này.

Hoẵng (*Muntiacus muntjak*)

kiếm ăn của loài Muntiac là các đồi có cây cối dày đặc và khu rừng phù du, ẩm ướt có độ ới 2500m. Gạc của chúng nhỏ và thường có máu nhọn. Răng nanh của hàm trên khá phát và thường được sử dụng để tự vệ. Sừng của chúng bị rụng trong khoảng tháng 5, tháng 6. g hú gọi nhau từ xa của loài này nghe rất giống tiếng của một con chó. Thức ăn chủ yếu các loại cỏ, lá cây và quả dại. Chúng xuất hiện để sinh sản vào tất cả các mùa, sự động dục ra chủ yếu vào mùa lạnh. Thời kì mang thai của loài này khoảng 180 ngày. Chúng thường nở vào mùa mưa, mỗi lần sinh sản cho ra đời 1 con con, đôi khi là 2.

ự kết hợp giữa
ện sinh thái và
hức khám phá
ội.

FRONTIER
VIETNAM